



xù shān

恤衫

noun · shirt (Cantonese-influenced term)

Example Sentences

tā chuān le yī jiàn bái xù shān
他 穿 了一件白恤衫。

He wore a white shirt.

zhè jiàn xù shān de liào zi hěn shū fu
这件恤衫的料子很舒服。

The fabric of this shirt is very comfortable.

Trace each character, then write the word on your own.

恤	恤	恤	恤	恤	恤	恤	恤	恤	恤	恤
恤										
衫	衫	衫	衫	衫	衫	衫	衫	衫	衫	衫